

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DSST.

Ngày : 13/01/2023.

“ V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Thọ.
2. Bà Nguyễn Thị Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2022/QĐXXST-DS ngày 05/12/2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 341/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị D , Sinh năm 1957; Địa chỉ: 119 Trần Bình Trọng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị N, sinh năm:1963; Địa chỉ: KV5, P. Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Theo văn bản ủy quyền số: 004774, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/7/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Văn Thông). *(có mặt)*

*2. Bị đơn:* Chị Văn Phan Ái H , sinh năm: 1993 và anh Võ Anh T , sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: 05 Ngô Quyền, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. *(vắng mặt)*.

## NỘI DUNG VỤ ÁN :

*Theo đơn khởi kiện của bà Lưu Thị D và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà Lưu Thị N là đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị D trình bày:*

Vợ chồng chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T là bạn học của con gái bà D nên ngày 01/12/2020 bà Dấu có cho vợ chồng H , T mượn số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), mục đích mượn tiền là để vợ chồng chị H , anh T mua xe chở hàng, thời hạn mượn là 01 năm, vợ chồng chị H , anh T tự thỏa thuận miệng là mỗi tháng sẽ trả cho bà D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền lãi.

Tuy nhiên, vợ chồng chị H , anh T chỉ trả tiền lãi theo thỏa thuận được 03 tháng sau đó thì không trả nữa. Đến ngày trả nợ (sau một năm), bà D đã nhiều lần đến gặp và yêu cầu vợ chồng chị H , anh T trả cả gốc và lãi số tiền đã mượn nhưng vợ chồng chị H , anh T cố tình tránh mặt và không chịu trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà D

Nay bà D yêu cầu vợ chồng chị H , anh T phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật, thời gian trả lãi kể từ tháng 01/2022 cho đến khi vợ chồng chị H , anh T trả xong nợ.

*Bị đơn chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T :*

Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo niêm yết theo quy định pháp luật, yêu cầu các đương sự đến Tòa làm việc nhưng chị H và anh T từ chối khai báo, không chấp hành nghĩa vụ với tư cách là bị đơn theo quy định của tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lưu Thị N là đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày, bà yêu cầu chị Văn Phan Ái H và chồng là anh Võ Anh T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc cho bà D là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật. Thời gian tính lãi từ tháng 01/2022 cho đến ngày xét xử.

*+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều

70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị Dậu số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2022 cho đến khi trả xong nợ.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016, chị Hân và anh Tuấn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lưu Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày xét xử (ngày 13/01/2023). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy mượn tiền được xác lập ngày 01/12/2020 có chữ ký, chữ viết của chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T

Tòa xét: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả nợ bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Căn cứ vào giấy mượn tiền được hai bên xác lập ngày 01/12/2020 không thể hiện lãi suất, nhưng có thể hiện thời hạn mượn tiền là 01 (một) năm. Đến hạn trả nợ, bà D đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị Hân, anh Tuấn trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng chị H và anh T cố tình tránh mặt không trả tiền cho bà D

Thời hạn thanh toán tiền vốn đã quá hạn nhưng chị H , anh T không trả cho bà D là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Nay bà D yêu cầu vợ chồng chị H , anh T phải có nghĩa vụ trả tiền vốn là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), yêu cầu của bà D là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà D yêu cầu chị H, anh T phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà, lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử vụ án (13/01/2023).

Tòa xét: Hợp đồng vay tài sản giữa bà D và vợ chồng chị H, anh T là hợp đồng vay có kỳ hạn (kỳ hạn 01 năm). Bà D cho rằng khi mượn tiền, chị H và anh T tự nguyện thỏa thuận trả tiền lãi cho bà mỗi tháng là 10.000.000đồng và vợ chồng chị H, anh T đã trả cho bà được 03 tháng tiền lãi là 30.000.000đồng. Tuy nhiên vợ chồng chị H, anh T cố tình lẩn tránh, không hợp tác khai báo. Do đó Tòa không thể tiến hành đối chất về việc thỏa thuận lãi và mức lãi suất giữa hai bên.

Việc bà D tự nguyện yêu cầu vợ chồng chị H, anh T phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử ngày (13/01/2023) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ: Bà D cho chị H, anh T mượn tiền từ ngày 01/12/2020, thời hạn mượn 01 năm nên đến ngày 01/12/2021 là đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng chị H, anh T không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 13/01/2023 (ngày xét xử) là 12 tháng 12 ngày:  $(200.000.000đ \times 0,833\%/tháng) \times 12 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 20.658.400đ$ ồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị D số tiền 220.658.400đồng (hai trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng), lấy tròn số: 220.658.000đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000đồng và tiền lãi là 20.658.000đồng.

**Áp dụng khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.**

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị H và anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;*

*Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.***

### **Tuyên xử :**

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị D .

1.1 Buộc chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị D số tiền 220.658.000đồng (hai trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 200.000.000đồng và tiền lãi là 20.658.000đồng.

2- Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Chị Văn Phan Ái H và anh Võ Anh T phải chịu 11.033.000 đồng (mười một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Bà Lưu Thị D được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Phan Văn Ái H và anh Võ Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4- Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quajn thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4.2- Trường hợp bán án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Ngọc Lan**











